

Biểu 02-DSX

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS ngày 17 tháng 13 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình),
Ngày gửi: 06 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo: **Trạm y tế Long Thành Nam**

Nơi nhận:

- + Phòng Dân số thị xã Hòa Thành
- + Ủy ban Nhân dân xã Long Thành Nam

BÁO CÁO DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH QUÝ III NĂM 2022

Tên chỉ tiêu		Toàn xã	Địa bàn 01	Địa bàn 02	Địa bàn 03
1	Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	3843	143	172	178
	Trong đó: Số hộ gia đình	3843	143	172	178
2	Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	16599	629	737	761
3	Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	5082	185	224	222
4	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	2872	121	134	127
5	Số người chết trong quý (người)	1	0	0	1
6	Số người kết hôn trong quý (người)	56	6	4	5
7	Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0	0
8	Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	1	7	0	0
9	Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	40	3	0	0
10	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	1915	95	89	75
	Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	1000	44	44	47
	- Triệt sản nam	0	0	0	0
	- Triệt sản nữ	49	0	5	2
	- Thuốc cấy tránh thai	15	1	1	0
	- Thuốc tiêm tránh thai	75	9	1	0
	- Thuốc uống tránh thai	310	15	14	11
	- Bao cao su	459	26	24	15
	- Biện pháp khác	7	0	0	0
11	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	957	26	45	52
	Trong tổng số: - Cặp có hai con một bề	210	9	13	11
	- Cặp có 3 con trở lên	70	2	3	4
12	Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	22	1	1	1
	Trong tổng số: - Công tác viên nữ	9			
	- Cộng tác viên mới tham gia trong quý				

Cán bộ Dân số xã
(ký và ghi rõ họ tên)



YS: Trương Nguyễn Như Ngọc

.....Ngày..... tháng..... năm.....

TRƯỞNG BAN DÂN SỐ XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Ngọc Diệp

Biểu 02-DSX

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS
ngày 17 tháng 13 năm 2016 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình),
Ngày gửi: 06 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo: **Trạm y tế Long Thành Nam**
Nơi nhận:
+ Phòng Dân số thị xã Hòa Thành
+ Ủy ban Nhân dân xã Long Thành Nam

BÁO CÁO
DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
QUÝ III NĂM 2022

Tên chỉ tiêu		Địa bàn	Địa bàn	Địa bàn	Địa bàn
		04	05	06	07
1	Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	165	256	235	232
	Trong đó: Số hộ gia đình	165	256	235	232
2	Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	778	1020	1013	1068
3	Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	255	314	307	311
4	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	156	184	169	162
5	Số người chết trong quý (người)	0	0	0	0
6	Số người kết hôn trong quý (người)	3	0	3	5
7	Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0	0
8	Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	0	1	0	0
9	Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	4	5	3	0
10	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	96	118	101	99
	Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	54	59	45	54
	- Triệt sản nam	0	0	0	0
	- Triệt sản nữ	2	4	1	8
	- Thuốc cấy tránh thai	0	0	1	3
	- Thuốc tiêm tránh thai	2	7	2	6
	- Thuốc uống tránh thai	13	19	23	15
	- Bao cao su	24	29	29	13
	- Biện pháp khác	1	0	0	0
11	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	60	68	68	63
	Trong tổng số: - Cặp có hai con một bề	12	10	10	7
	- Cặp có 3 con trở lên	2	1	5	4
12	Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	1	1	1	1
	Trong tổng số: - Cộng tác viên nữ	1		1	1
	- Cộng tác viên mới tham gia trong quý				

Cán bộ Dân số xã
(ký và ghi rõ họ tên)

(Chữ ký)

YS: Trương Nguyễn Như Ngọc

.....Ngày..... tháng..... năm.....
P. **TRƯỞNG BAN DÂN SỐ XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Ngọc Diệp

Biểu 02-DSX

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS ngày 17 tháng 13 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình),
Ngày gửi: 06 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo: **Trạm y tế Long Thành Nam**

Nơi nhận:

- + Phòng Dân số thị xã Hòa Thành
- + Ủy ban Nhân dân xã Long Thành Nam

BÁO CÁO DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH QUÝ III NĂM 2022

Tên chỉ tiêu		Địa bàn 08	Địa bàn 09	Địa bàn 10	Địa bàn 11
1	Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	166	219	192	183
	Trong đó: Số hộ gia đình	166	219	192	183
2	Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	673	1014	884	813
3	Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	225	312	296	257
4	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	128	174	161	147
5	Số người chết trong quý (người)	0	0	0	0
6	Số người kết hôn trong quý (người)	2	4	3	1
7	Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0	0
8	Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	0	0	0	0
9	Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	0	0	4	2
10	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	87	104	106	98
	Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	41	63	60	57
	- Triệt sản nam	0	0	0	0
	- Triệt sản nữ	2	3	4	0
	- Thuốc cấy tránh thai	1	1	0	1
	- Thuốc tiêm tránh thai	5	1	5	4
	- Thuốc uống tránh thai	15	17	10	13
	- Bao cao su	23	19	27	23
	- Biện pháp khác	0	0	0	0
11	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	41	70	55	49
	Trong tổng số: - Cặp có hai con một bề	7	8	8	12
	- Cặp có 3 con trở lên	2	4	5	3
12	Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	1	1	1	1
	Trong tổng số: - Cộng tác viên nữ			1	1
	- Cộng tác viên mới tham gia trong quý				

Cán bộ Dân số xã
(ký và ghi rõ họ tên)

YS: Trương Nguyễn Như Ngọc

.....Ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG BAN DÂN SỐ XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Huyền Thị Ngọc Diệp

Biểu 02-DSX

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS ngày 17 tháng 13 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình),
Ngày gửi: 06 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo: **Trạm y tế Long Thành Nam**

Nơi nhận:

+ Phòng Dân số thị xã Hòa Thành

+ Ủy ban Nhân dân xã Long Thành Nam

**BÁO CÁO
DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
QUÝ III NĂM 2022**

Tên chỉ tiêu		Địa bàn	Địa bàn	Địa bàn	Địa bàn
		12	13	14	15
1	Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	201	184	196	156
	Trong đó: Số hộ gia đình	201	184	196	156
2	Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	878	795	801	711
3	Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	260	250	238	226
4	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	143	134	129	119
5	Số người chết trong quý (người)	0	0	0	0
6	Số người kết hôn trong quý (người)	3	3	2	2
7	Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0	0
8	Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	0	0	0	0
9	Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	3	1	3	1
10	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	92	89	84	86
	Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	46	47	42	55
	- Triệt sản nam	0	0	0	0
	- Triệt sản nữ	1	1	6	3
	- Thuốc cấy tránh thai	2	0	0	1
	- Thuốc tiêm tránh thai	5	1	5	1
	- Thuốc uống tránh thai	17	13	12	9
	- Bao cao su	20	27	18	16
	- Biện pháp khác	1	0	1	1
11	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	51	45	45	33
	Trong tổng số: - Cặp có hai con một bề	8	14	7	8
	- Cặp có 3 con trở lên	2	1	4	5
12	Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	1	1	1	1
	Trong tổng số: - Công tác viên nữ			1	
	- Cộng tác viên mới tham gia trong quý				

Cán bộ Dân số xã
(ký và ghi rõ họ tên)

YS: Trương Nguyễn Như Ngọc

.....Ngày..... tháng..... năm.....
P. **TRƯỞNG BAN DÂN SỐ XÃ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Huyền Thị Ngọc Diệp

Biểu 02-DSX

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS ngày 17 tháng 13 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình),
Ngày gửi: 06 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo: **Trạm y tế Long Thành Nam**

Nơi nhận:

- + Phòng Dân số thị xã Hòa Thành
- + Ủy ban Nhân dân xã Long Thành Nam

BÁO CÁO DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH QUÝ III NĂM 2022

Tên chỉ tiêu		Địa bàn	Địa bàn	Địa bàn	Địa bàn
		16	17	18	19
1	Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	117	156	150	144
	Trong đó: Số hộ gia đình	117	156	150	144
2	Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	484	655	654	538
3	Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	135	198	207	163
4	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	96	116	112	92
5	Số người chết trong quý (người)	0	0	0	0
6	Số người kết hôn trong quý (người)	1	0	3	1
7	Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0	0
8	Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	0	0	0	0
9	Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	2	1	3	4
10	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	77	73	84	66
	Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	39	48	30	34
	- Triệt sản nam	0	0	0	0
	- Triệt sản nữ	1	1	1	1
	- Thuốc cấy tránh thai	1	1	0	0
	- Thuốc tiêm tránh thai	4	1	4	2
	- Thuốc uống tránh thai	14	7	18	9
	- Bao cao su	18	15	31	19
	- Biện pháp khác	0	0	0	1
11	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	19	43	28	26
	Trong tổng số: - Cặp có hai con một bé	8	11	8	9
	- Cặp có 3 con trở lên	4	3	4	2
12	Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	1	1	1	1
	Trong tổng số: - Cộng tác viên nữ				1
	- Cộng tác viên mới tham gia trong quý				

Cán bộ Dân số xã

(ký và ghi rõ họ tên)



YS: Trương Nguyễn Như Ngọc

.....Ngày..... tháng..... năm.....

P. TRƯỞNG BAN DÂN SỐ XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Ngọc Diệp

Biểu 02-DSX

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ - TCDS ngày 17 tháng 13 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình),
Ngày gửi: 06 tháng sau quý báo cáo

Đơn vị báo cáo: **Trạm y tế Long Thành Nam**

Nơi nhận:

+ Phòng Dân số thị xã Hòa Thành

+ Ủy ban Nhân dân xã Long Thành Nam

**BÁO CÁO
DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
QUÝ III NĂM 2022**

Tên chỉ tiêu		Địa bàn 20	Địa bàn 21	Địa bàn 22
1	Tổng số hộ dân cư tính đến cuối quý (hộ)	89	139	170
	Trong đó: Số hộ gia đình	89	139	170
2	Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú tính đến cuối quý (người)	381	602	710
3	Số nữ từ 15-49 tuổi tính đến cuối quý (người)	108	173	215
4	Số nữ từ 15-49 tuổi có chồng tính đến cuối quý (người)	63	90	115
5	Số người chết trong quý (người)	0	0	0
6	Số người kết hôn trong quý (người)	1	2	2
7	Số người ly hôn trong quý (người)	0	0	0
8	Số người chuyển đi khỏi xã trong quý (người)	0	0	0
9	Số người chuyển đến từ xã khác trong quý (người)	1	3	0
10	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện đang sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	47	69	80
	Chia ra: - Đặt vòng tránh thai	23	32	36
	- Triệt sản nam	0	0	0
	- Triệt sản nữ	0	2	1
	- Thuốc cấy tránh thai	0	0	1
	- Thuốc tiêm tránh thai	4	2	4
	- Thuốc uống tránh thai	8	23	15
	- Bao cao su	12	10	21
	- Biện pháp khác	0	0	2
11	Số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ hiện chưa sử dụng BPTT tính đến cuối quý (cặp)	16	21	35
	Trong tổng số: - Cặp có hai con một bề	9	12	9
	- Cặp có 3 con trở lên	4	1	5
12	Số cộng tác viên dân số tính đến cuối quý (người)	1	1	1
	Trong tổng số: - Công tác viên nữ	1		1
	- Cộng tác viên mới tham gia trong quý			

Cán bộ Dân số xã
(ký và ghi rõ họ tên)

YS: Trương Nguyễn Như Ngọc

.....Ngày..... tháng..... năm.....
P. TRƯỞNG BAN DÂN SỐ XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Huỳnh Thị Ngọc Diệp